

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2014

Số: 134 /2014/TĐBV-QLTC
V/v: Hiệu chỉnh số liệu trên Báo cáo
Tài chính hợp nhất Quý IV năm 2013

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Ngày 14.02.2013, Tập đoàn Bảo Việt (mã chứng khoán BVH) đã công bố thông tin Báo cáo Tài chính hợp nhất Quý IV năm 2013 trước soát xét theo Quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với doanh nghiệp niêm yết. Do sai sót trong quá trình nhập số liệu trên báo cáo bản word, Tập đoàn Bảo Việt xin được hiệu chỉnh số liệu trên bảng kết quả kinh doanh như sau (đơn vị tính: VND):

1. Về chỉ tiêu hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Số liệu đã công bố thông tin:

Mã số	Chỉ tiêu	Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Cho giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
39.1	Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (39.1 = 34+37+38.1)	(490.994.135.191)	(767.262.756.528)	(324.302.137.227)	(689.008.407.841)
	- Lỗ thuần từ hoạt động bảo hiểm nhân thọ	(586.346.196.860)	(815.267.998.134)	(chưa có số liệu)	(chưa có số liệu)
	- Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	9.032.892.493	84.606.974.815	(chưa có số liệu)	(chưa có số liệu)

Số liệu hiệu chỉnh:

Mã số	Chỉ tiêu	Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Cho giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
39.1	Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (39.1 = 34+37+38.1)	(490.994.135.191)	(767.262.756.528)	(324.302.137.227)	(689.008.407.841)
	- Lỗ thuần từ hoạt động bảo hiểm nhân thọ	(499.836.498.045)	(838.209.925.347)	(370.488.288.543)	(809.916.681.369)
	- Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	8.842.362.854	70.947.168.819	46.186.151.316	120.908.273.528

2. Nội dung khác

Mã số	Chỉ tiêu	SỐ LIỆU ĐÃ CÔNG BỐ THÔNG TIN		SỐ LIỆU HIỆU CHÍNH	
		Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
35.2	Chi phí của hoạt động ngân hàng	(566.557.437.749)	(1.264.206.493.591)	(166.106.627.318)	(863.755.683.160)
35	Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng	(194.539.296.398)	103.943.274.063	205.911.514.033	504.394.084.494
39.2	Lợi nhuận thuần hoạt động ngân hàng (39.2=35+38.2)	(259.659.267.053)	(144.155.599.603)	140.791.543.378	256.295.210.828
40	Doanh thu hoạt động tài chính	1.212.857.593.921	3.534.176.135.702	812.406.783.490	3.133.725.325.271
42	Lợi nhuận hoạt động tài chính (42 = 40+41)	1.228.576.423.733	2.749.290.115.530	828.125.613.302	2.348.839.305.099

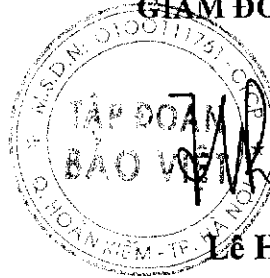
Những hiệu chỉnh trên đây là một phần không tách rời của Báo cáo Tài chính hợp nhất Quý IV năm 2013 trước soát xét đã được công bố (kèm theo phụ lục thuyết minh báo cáo sau khi hiệu chỉnh).

Tập đoàn Bảo Việt xin được hiệu chỉnh như trên, kính báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được biết và trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của các Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD, BKS (để báo cáo);
- Lưu: VT, KT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



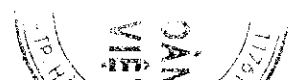
Lê Hải Phong



PHỤ LỤC
(Kèm theo Công văn số 157/2014/TĐBV-QLTC ngày 17.02.2014)

26. THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

	Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự				
Thu nhập lãi tiền gửi	28.140.770.218	90.463.453.859	65.227.535.441	281.900.016.417
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	285.875.688.791	1.050.363.196.556	232.351.937.124	991.858.760.493
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	44.922.917.348	193.321.608.360	42.168.664.034	233.017.713.140
Thu khác từ hoạt động tín dụng	(87.375.000)	(87.375.000)	6.041.067	6.785.878
	358.852.001.357	1.334.060.883.775	339.754.177.666	1.506.783.275.928
Thu nhập hoạt động ngân hàng khác				
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ ngân hàng	1.867.451.183	8.046.353.793	1.312.284.141	14.328.478.315
Lãi hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.968.968.827	5.943.263.397	148.780.380	1.681.240.727
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	6.329.719.984	20.099.266.689	486.567.239	486.567.239
	13.166.139.994	34.088.883.879	1.947.631.760	16.496.286.281
Tổng thu nhập từ hoạt động ngân hàng	372.018.141.351	1.368.149.767.654	341.701.809.426	1.523.279.562.209
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự				
Trả lãi tiền gửi	(135.823.775.533)	(510.207.151.294)	(144.166.407.737)	(643.884.635.619)
Trả lãi tiền vay	(6.058.603.298)	(47.141.521.807)	(9.691.257.814)	(30.529.003.300)
Chi phí hoạt động tín dụng khác	(32.838.080.672)	(185.977.147.611)	(43.038.597.739)	(165.715.447.592)
	(174.720.459.503)	(743.325.820.712)	(196.896.263.290)	(840.129.086.511)
Chi phí ngân hàng khác				
Chi về hoạt động dịch vụ Ngân hàng	(1.988.167.190)	(8.177.575.768)	(1.826.390.877)	(7.344.393.492)
Chi phí từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(3.489.009.481)	(4.554.312.975)	(40.450.337)	(1.226.977.549)
Chi phí từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	6.790.748.005	-	(985.000.000)	(1.031.800.000)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	7.300.260.851	(107.697.973.705)	(5.956.044.926)	(57.887.927.096)
	8.613.832.185	(120.429.862.448)	(8.807.886.140)	(67.491.098.137)
Tổng chi phí hoạt động ngân hàng	(166.106.627.318)	(863.755.683.160)	(205.704.149.430)	(907.620.184.648)
Lãi thuần từ hoạt động ngân hàng	205.911.514.033	504.394.084.494	135.997.659.996	615.659.377.561



29. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**29.1 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ</i>	<i>Cho giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ</i>	<i>Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ</i>	<i>Cho giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ</i>
Lãi tiền gửi	315.453.322.855	1.312.305.504.305	281.317.920.769	1.242.231.746.498
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	430.329.158.975	1.576.646.137.186	392.863.095.618	1.534.983.277.412
Lãi cho vay	26.038.926.024	112.328.743.378	33.150.337.777	141.688.347.234
Cổ tức được chia	30.340.178.600	78.566.865.342	14.604.609.911	62.633.305.368
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.525.385.040	14.768.877.515	(1.160.614.876)	10.218.196.149
Lãi đầu tư chứng khoán	(3.699.236.419)	5.705.133.398	842.599.049	54.636.122.136
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.419.048.415	33.404.064.147	(1.351.526.394)	21.138.853.649
	812.406.783.490	3.133.725.325.271	720.266.421.854	3.067.529.848.446